TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2025
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Trần Anh Dũng

- *Thư ký phiên Tòa*: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 306/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2592/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

* *Bị đơn:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày*: Bà và ông Võ Văn H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2001. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại

xã N được một thời gian thì mua đất cất nhà ra ở riêng. Qúa trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông H không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say về đánh đập mẹ con của bà, không cho mẹ con bà vào nhà phải đi ngủ nhờ nhà hàng xóm. Thời gian đầu vợ chồng mâu thuẫn bà thường về nhà mẹ ruột ở, đến năm 2023 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên bà ra thuê nhà trọ sống riêng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không gặp mặt hay liên lạc gì với nhau. Bà xác định không còn tình cảm với ông H nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 28/10/2001 và Võ Thành K1, sinh ngày 10/4/2008. Hiện cháu K1 đang ở với ông H, còn cháu D đã thành niên và lập gia đình. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu K1, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Theo bản tự khai, biên ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo bị đơn ông Võ Văn H trình bày*: Ông và bà Nguyễn Thị K có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha mẹ ông tại xã N, được một thời gian thì vợ chồng cất nhà ra ở riêng. Ông đi làm dưa trên Gia Lai, Đắk Lắk, khoảng nửa tháng về nhà một lần, còn bà K làm công nhân xí nghiệp. Vợ chồng chung sống bình thường, có mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do những khi ông đi uống rượu với bạn bè về thì vợ chồng thường có lời qua tiếng lại, thỉnh thoảng ông nóng có đánh bà K. Cách đây 06, 07 năm bà K có nộp đơn ly hôn lên Tòa nhưng sau khi Tòa hòa giải thì bà K rút đơn. Những lần vợ chồng cãi nhau bà K thường bỏ về nhà mẹ ruột sống, sau đó ông thuyết phục thì bà K quay lại chung sống với ông. Tháng 8/2024 vợ chồng mâu thuẫn nên bà K bỏ về nhà mẹ ruột ở hẳn từ đó cho đến nay. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà K nên không đồng ý ly hôn, trường hợp bà K kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 28/10/2001 và Võ Thành K1, sinh ngày 10/4/2008. Hiện cháu K1 đang ở với ông, còn cháu D đã trưởng thành và lập gia đình. Trường hợp ly hôn thì ông đồng ý giao cháu K1 cho bà K nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K được ly hôn

ông Võ Văn H

- Về con chung: Giao người con Võ Thành K1 sinh ngày 10/4/2008 cho bà Nguyễn Thị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà K không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Riêng người con tên Võ Thị Mỹ D sinh ngày 28/10/2001 đã đủ tuổi thành niên nên miễn xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Võ Văn H tiếp tục vắng mặt lần 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Văn H

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Võ Văn H có thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới vào năm 2001, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã N cấp giấynhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống giữa bà K và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn căng thẳng dẫn đến việc bà K có đơn xin ly hôn, sau khi được Tòa án hòa giải thì bà K rút đơn khởi kiện ly hôn để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi về chung sống thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nên bà K gửi đơn ly hôn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Võ Văn H. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị K xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc và không còn tình cảm với nhau nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn H. Ngược lại ông H cho rằng vẫn còn tình cảm với bà K nên không đồng ý ly hôn nhưng xác định nếu bà K vẫn kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý. Xét yêu cầu của bà K và ông H, thấy rằng trong quá trình chung sống, giữa bà K và ông H có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không có sự tin tưởng lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng, bản thân ông H thừa nhận những lần đi uống rượu với bạn bè về vợ chồng thường cãi nhau, ông nóng nên có đánh bà K làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng căng thẳng hơn dẫn đến việc bà K ra thuê nhà sống riêng, từ đó vợ chồng sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng không hàn gắn tình cảm giữa vợ chồng, bà K vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa bà K và ông H đã thật sự căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị K đối với ông Võ Văn H.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Võ Văn H cùng xác định vợ chồng có 02 người con tên Võ Thị Mỹ D sinh ngày 28/10/2001 và Võ Thành K1 sinh ngày 10/4/2008. Ly hôn bà K có yêu cầu nuôi dưỡng người con Võ Thành K1 sinh ngày 10/4/2008. Xét yêu cầu nuôi con của bà K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông H cũng thống nhất giao người con Võ Thành K1 cho bà K nuôi dưỡng, bản thân ông H thường xuyên đi làm dưa ở Gia Lai, hơn nữa cháu K1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, do

đó để đảm bảo việc học cũng như môi trường sống của con được ổn định nên giao người con Võ Thành K1 cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành. Đối với người con Võ Thị Mỹ D sinh ngày 28/10/2001 đã trưởng thành và lập gia đình nên bà K, ông H không yêu cầu giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị K và ông Võ Văn H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ: Bà Nguyễn Thị K và ông Võ Văn H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005682 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

[7] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Võ Văn H.

2- Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao người con tên Võ Thành K1 sinh ngày 10/4/2008 cho bà Nguyễn Thị K trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi người con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị K và ông Võ Văn H không yêu cầu giải quyết.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Võ Văn H không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005682 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án thị xã A, tỉnh Bình Định.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm bà Nguyễn Thị K có mặt tại phiên tòa, nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm. Ông Võ Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các đương sự
- UBND xã Nhơn Khánh
(GCNKH số 25 ngày 14/6/2001)
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ